

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2022

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Nguyễn Đức Quýnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh HD mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1993.

ĐKHKTT: Thôn AX, xã QT, huyện NS, tỉnh HD.

Chỗ ở hiện nay: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh HD.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình An L, sinh năm 1985;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn AX, xã QT, huyện NS, tỉnh HD.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1- Ông Đặng Hữu S, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh HD.

2- Bà Vũ Thị K, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn AX, xã QT, huyện NS, tỉnh HD.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2022 cùng các bản tự khai và các biên bản lấy lời khai, chị Đặng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Đình An L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã QT, huyện NS, tỉnh HD vào ngày 04/7/2014 (số 47 trong Sổ đăng ký kết hôn) trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và việc làm ăn kinh tế gia đình. Sau khi có con, do bất đồng trong việc nuôi con chung nên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau. Anh L cho rằng chị không biết chăm sóc con nên mỗi lần chị chăm con anh L lại mắng chửi trong khi chị không làm gì sai. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau, chị làm công nhân nên thường xuyên phải làm tăng ca, về muộn nên anh L không đồng ý. Anh bắt chị phải về sớm và ép chị phải xin nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình và chồng con. Chị không đồng ý nên vợ chồng to tiếng, cãi nhau. Nhiều lần cãi nhau là anh L lại đuổi chị về nhà để sống. Do mâu thuẫn kéo dài, chị không thể chịu đựng được nên khoảng tháng 3/2020 chị đã về nhà bố mẹ để sống. Sau khi chị về nhà bố mẹ để sống, anh L không một lần gọi điện hay sang tìm gặp nói chuyện đón chị về. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống được cùng nhau nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 06/12/2015, hiện nay cháu L đang sống cùng với anh L. Khi nộp đơn ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng đến nay chị đề nghị giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là 750.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022 anh Vũ Đình An L trình bày: Đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh làm nghề lái xe tải, công việc rất bận nên không đến Tòa án làm việc được. Anh xác nhận việc anh với chị Đ xác lập quan hệ hôn nhân như chị Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cuộc sống chung không hoà hợp về lối sống. Bản thân anh chị sau khi sống cùng nhau nhưng không chung kinh tế, chị Đ đi làm được bao nhiêu tiền thì giữ cho riêng mình chứ không chi tiêu chung. Khi ở nhà, vợ chồng không ai nói chuyện với ai, chỉ nói chuyện với nhau khi cần thiết. Đầu năm 2020 chị Đ tự ý

về nhà bố mẹ đẻ sống. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 06/12/2015. Hiện nay cháu L đang sống cùng với anh. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 750.000đ/một tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Anh đề nghị Toà án không tiến hành mở phiên hoà giải và đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và tại phiên toà.

Ý kiến của những người làm chứng:

Ông Đặng Hữu S (bố đẻ chị Đ) trình bày: Quá trình vợ chồng anh L, chị Đ chung sống từ khi kết hôn đến nay có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống hàng ngày và việc làm ăn kinh tế gia đình. Trong thời gian chị Đ về chung sống cùng với gia đình nhà chồng, anh L cùng gia đình nhà chồng thường xuyên chê chị Đ là không biết chần vén, chăm lo cho gia đình và con. Bản thân chị Đ tuy có hơi chậm chạp nhưng sống bên nhà chồng chưa hề hỗn láo hay cư xử không đúng mực. Công việc của chị Đ làm công nhân nên việc tăng ca là chuyện bình thường và cũng không thể xin nghỉ về sớm theo giờ hành chính được nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tháng 3/2020 chị Đ đã về gia đình ông sống, từ đó anh L không một lần gọi điện thoại hay đến nói chuyện với chị Đ và gia đình ông mà bỏ mặc cuộc sống vợ chồng ly thân. Đến nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh L, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L và chị Đ ly hôn.

Bà Vũ Thị K (mẹ đẻ anh L) trình bày: Bà xác định quá trình vợ chồng anh L, chị Đ chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ không biết chăm lo cho gia đình, vợ chồng không chung kinh tế và không chia sẻ với nhau. Chị Đ đã về nhà đẻ sống từ đầu năm 2020 nhưng anh L cũng không tìm gặp để đón chị Đ về. Đến nay bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ấy ly hôn.

Xác minh tại thôn AX (ông Trần Xuân T trưởng thôn) cung cấp: Quá trình anh L, chị Đ chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh chị ấy ông không nắm được. Đến nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Đ và anh L là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Đặng Thị Đ ly hôn Vũ Đình An L. Về con chung: Giao con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 06/12/2015 cho anh Vũ Đình An L tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đặng Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là 750.000đồng/tháng, kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên, bị đơn đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện NS đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa cho chị Đặng Thị Đ và anh Vũ Đình An L. Tòa án cũng đã gửi giấy triệu tập đến phiên tòa cho người làm chứng. Tuy nhiên, chị Đ, anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Đ, anh L và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị Đ và anh Vũ Đình An L kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ và anh L do bất đồng trong cuộc sống và kinh tế gia đình nên hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ với nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã tự khắc phục nhưng không có hiệu quả nên đầu năm 2020 chị Đ đã chuyển về sống cùng với bố mẹ đẻ ở AB, NS và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị

Đ có đơn xin ly hôn, anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, nhưng do công việc lái xe thuê không sắp xếp được thời gian nên anh đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung*: Chị Đặng Thị Đ và anh Vũ Đình An L có 01 con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 06/12/2015. Nay ly hôn anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đề nghị chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật là 750.000đồng/ tháng, chị Đ đồng ý giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng là 750.000đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của các bên hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân cháu L từ trước tới nay vẫn đang ở cùng bố rất ổn định cuộc sống và phát triển tốt về tinh thần. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Đình L, chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là 750.000đồng/tháng.

[3] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Đặng Thị Đ và anh Vũ Đình An L đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Đặng Thị Đ xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị Đ ly hôn anh Vũ Đình An L.

2. *Về con chung*: Giao con là Vũ Đình L, sinh ngày 06/12/2015 cho anh Vũ Đình An L tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đặng Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là 750.000đồng/ tháng, kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ

18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2020/ 0003677, ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS, chị Đ còn phải nộp 300.000đ án phí.

Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện NS;
- Chi cục THA dân sự huyện NS;
- UBND xã QT, H. NS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Cẩm Vân

